

Phụ lục II
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /12/2023
của UBND tỉnh Nam Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải

- Nguồn số 1: Bụi, khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi công suất 10 tấn hơi/h (KT1).

- Nguồn số 2: Bụi, khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi công suất 05 tấn hơi/h (KT2).

- Nguồn số 3: Bụi, khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý bụi, khí thải xưởng định hình (KT3).

2. Dòng bụi, khí thải, vị trí xả thải

2.1. Dòng khí thải

TT	Vị trí hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải	Ký hiệu	Lưu lượng (m ³ /h)
1	Hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi công suất 10 tấn/giờ	KT1	36.000
2	Hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi công suất 05 tấn/giờ	KT2	16.000
3	Hệ thống xử lý bụi, khí thải xưởng định hình	KT3	50.000

2.2. Phương thức xả khí thải

Xả cưỡng bức bằng quạt hút, gián đoạn không theo chu kỳ.

2.3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ với giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp khi phát thải ra môi trường không khí $C_{max} = C \times K_q \times K_f$ (Đối với KT1 áp dụng hệ số $K_p = 0,9$, $K_v = 0,8$; đối với KT2 áp dụng hệ số $K_p = 1$, $K_v = 0,8$) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với các chất hữu cơ, cụ thể:

a) Đối với bụi, khí thải từ lò hơi công suất 10 tấn/giờ (KT1)

TT	Thông số	Đơn vị	Quy chuẩn so sánh QCVN 19:2009/BTNMT ($K_p = 0,9$; $K_v = 0,8$)	
			C	C_{max}
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	-

2	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	144
3	SO ₂	mg/Nm ³	500	360
4	NO _x	mg/Nm ³	850	612
5	CO	mg/Nm ³	1.000	720

b) Đối với bụi, khí thải từ lò hơi công suất 05 tấn/giờ (KT2)

TT	Thông số	Đơn vị	Quy chuẩn so sánh QCVN 19:2009/BTNMT (K _p = 1; K _v = 0,8)	
			C	C _{max}
1	Lưu lượng	m ³ /h		
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	160
3	SO ₂	mg/Nm ³	500	400
4	NO _x	mg/Nm ³	850	680
5	CO	mg/Nm ³	1.000	800

c) Đối với bụi, khí thải từ xưởng định hình (KT3)

TT	Thông số	Đơn vị	Quy chuẩn so sánh QCVN 20:2009/BTNMT
1	Benzen	mg/Nm ³	05
2	Toluen	mg/Nm ³	750
3	Xylen	mg/Nm ³	870
4	Anilin	mg/Nm ³	19

2.4. Vị trí xả khí thải

- Nguồn số 1: Tọa độ X(m) = 2259181; Y(m) = 618808.
- Nguồn số 2: Tọa độ X(m) = 2259181,5; Y(m) = 618808,5.
- Nguồn số 3: Tọa độ X(m) = 2259179; Y(m) = 618806.

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiều 3⁰)

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Nguồn số 1 và nguồn số 2: Bụi, khí thải phát sinh từ 02 lò hơi được thu gom bằng đường ống về hệ thống xử lý khí thải để xử lý.

- Nguồn số 3: Bụi, khí thải phát sinh từ xưởng định hình được thu gom bằng chụp hút, quạt hút và đường ống về hệ thống xử lý khí thải để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

1.2.1. Đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi công suất 10 tấn/giờ và hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi công suất 05 tấn/giờ (02 hệ thống xử lý khí thải có quy trình giống nhau, 02 hệ thống sử dụng chung 01 bể chứa nước chứa dung dịch nước vôi trong)

- Tóm tắt quy trình, công nghệ xử lý: Bụi, khí thải → Tháp xử lý khí thải ướt bằng ống Venturi → Khoang lắng → Quạt hút → Ống phóng không cao 12 m so với mặt sàn nhà xưởng.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: 100 kg vôi bột (CaO)/năm.

1.2.2. Đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải xưởng định hình

Tóm tắt quy trình, công nghệ xử lý: Bụi, khí thải → Chụp hút → Máy lọc khói dầu tĩnh điện tự động → Tháp phun → Tháp tĩnh điện cao áp → Ống phóng không cao 20 m so với mặt sàn nhà xưởng.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Bố trí 01 cán bộ có chuyên môn phụ trách về môi trường của Chủ dự án.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý bụi, khí thải. Trong trường hợp hệ thống gặp sự cố, Chủ dự án cho kiểm tra xác định nguyên nhân để sửa chữa. Nếu lỗi nhỏ có thể khắc phục ngay trong thời gian ngắn thì hoạt động sản xuất tại khu vực đó vẫn tiếp tục diễn ra bình thường; trường hợp cần có thời gian dài để sửa chữa, Chủ dự án dừng sản xuất tại khu vực đó và tiến hành sửa chữa sau khi sửa xong mới tiếp tục sản xuất.

- Kiểm định lò hơi định kỳ theo quy định của pháp luật.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Tối đa 06 tháng (dự kiến từ ngày 01/4/2024 đến ngày 30/9/2024).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

- Hệ thống xử lý thống xử lý bụi, khí thải lò hơi công suất 10 tấn/giờ.

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi công suất 05 tấn/giờ.

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải xưởng định hình.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

Như nêu tại mục 2.1 phần A Phụ lục này.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Như tại mục 2.3 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Trong giai đoạn hoạt động ổn định: Lấy mẫu 03 ngày liên tiếp với tần suất lấy mẫu 01 ngày/lần tại 03 lỗ kỹ thuật trên thân 03 ống phóng không của 03 hệ

thống xử lý bụi, khí thải của lò hơi công suất 10 tấn/giờ, lò hơi công suất 05 tấn/giờ và bụi, khí thải xưởng định hình (theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3 phần A Phụ lục này trước khi thải ra ngoài môi trường.

3.2. Trồng cây xanh đảm bảo tỷ lệ theo quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với giấy phép đã được cấp, phải báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý bụi, khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý bụi, khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý bụi, khí thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh và các đơn vị liên quan để kịp thời xử lý./.